

Thực hiện công khai theo
Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT

UBND QUẬN LÊ CHÂN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BÁ NGỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 53 /QĐ-THCS

Hải Phòng, ngày 28 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT
Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc - Năm học 2023-2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS NGUYỄN BÁ NGỌC

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Xét đề nghị của Tổ Văn phòng trường THCS Nguyễn Bá Ngọc

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công khai trong nhà trường của Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Những quy định trước đây trái với Quyết định này điều bị bãi bỏ.

Điều 3. Tổ trưởng tổ Văn phòng, các tổ trưởng Chuyên môn, toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng GD&ĐT;
- Website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Hồng Phong

QUY CHẾ

Thực hiện công khai trong nhà trường

(Ban hành kèm theo Quyết định số 53/QĐ-THCS ngày 28 tháng 9 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: Quy chế này quy định về thực hiện công khai đối với trường THCS Bắc Hà.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai cam kết của Nhà trường về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của Nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá Nhà trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện công khai của Nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế này.
2. Thông tin được công khai tại Nhà trường và trên các trang thông tin điện tử theo quy định trong Quy chế này phải chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

CHƯƠNG II

THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐỐI VỚI NHÀ TRƯỜNG

Điều 4. Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) **Cam kết chất lượng giáo dục:** Điều kiện và đối tượng tuyển sinh; chương trình giáo dục nhà trường đang thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Biểu mẫu 3.1).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, thi đỗ vào THPT, học sinh nam/học sinh nữ (theo Biểu mẫu 3.2).

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng của Nhà trường:

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (Biểu mẫu 3.3).

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 3.4).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính

Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học

Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của hội đồng nhân dân thành phố. Hướng dẫn liên số 03/HDLS-GD-TC ngày 22/8/2023 về việc thực hiện thu và sử dụng học phí..

c) Các khoản chi theo từng năm học

Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm

Về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính

Q.L
UỶ
HỌC
VĂN
9

sách xã hội.

đ) Kết quả kiểm toán (nếu có)

Thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này:

a) Đối với công tác tuyển sinh

Nhà trường thông báo kế hoạch, chỉ tiêu, điều kiện, hồ sơ tuyển sinh lớp 6 thông báo bằng văn bản đến các trường TH trên địa bàn tuyển sinh của trường, các phường Lam Sơn, An Dương, Trần Nguyên Hãn và niêm yết tại bảng tin Nhà trường trước ngày thực hiện quy trình tuyển sinh 05 ngày. Đăng tải trên Websie nhà trường.

b) Đối với cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

Công khai tại Bảng tin của Nhà trường, trên trang thông tin điện tử của Nhà trường vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

Niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Thông báo trong các cuộc họp Cha mẹ học sinh, họp Hội đồng sư phạm Nhà trường. Bất cứ lúc nào khi cơ sở giáo dục hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, cơ sở giáo dục có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

c) Đối với điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

Thông báo trong cuộc họp Hội Đồng sư phạm, Họp Hội Cha mẹ học sinh, Niêm yết tại Bảng tin Nhà trường đầu năm học và trên trang thông tin điện tử của Nhà trường (T9).

2. Tình hình tài chính Nhà trường

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

CH
V
CƠ S
Đ
N

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm Hiệu trưởng nhà trường

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho Phòng Giáo dục và Đào tạo trước 30 tháng 9 hàng năm.
3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của Ban Thanh tra nhân dân, Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý cấp trên.
4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của Ban Thanh tra nhân dân và các cơ quan quản lý cấp trên bằng các hình thức sau đây:
 - a) Công bố công khai trong cuộc họp Hội đồng sư phạm.
 - b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại Bảng tin nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh xem xét.
 - c) Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Trên đây là Quy chế công khai của trường THCS Nguyễn Bá Ngọc./.


Đỗ Hồng Phong

Số: 17/KH-THCS

Hải phòng, ngày 28 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện quy chế công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT Năm học 2023 - 2024

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 89/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/6/2010 Hướng dẫn chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ điều kiện thực tế của đơn vị, trường THCS Trần Nguyễn Bá Ngọc xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công khai năm học 2023-2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

Thực hiện các nội dung công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục để xã hội tham gia giám sát và đánh giá theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu

Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của các Thông tư về công khai.

II. NỘI DUNG

1. Các nội dung công khai

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

Thực hiện theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.



a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh.

b) Chất lượng giáo dục thực tế: tổng hợp kết quả giáo dục cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh dự xét hoàn thành chương trình; số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình.

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia: kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục

Thực hiện theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp.

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo.

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và những năm tiếp theo.

1.3. Công khai thu chi tài chính

Thực hiện công khai theo Thông tư số 89/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/6/2010 Hướng dẫn chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm

2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

a) Công khai các khoản thu từ học sinh đầu năm học 2022-2023 và dự kiến cho năm học 2023-2024.

b) Công khai Ngân sách nhà nước cấp (theo dự toán năm 2022; 2023).

Các khoản chi trong năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, chi tham quan học tập; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

c) Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm các khoản đóng góp đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội theo quy định.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính.

2. Về hình thức và thời điểm công khai

- Công khai trong các cuộc họp của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường vào đầu năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật thường xuyên khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Đăng công thông tin điện tử của nhà trường. Thời điểm công khai là cuối tháng 6, cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

- Đối với nội dung “Các khoản thu từ học sinh trong năm học 2022-2023 và dự kiến cho năm học 2023-2024” phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh và niêm yết trên bảng tin của nhà trường.

III. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Hình thức công khai và thời điểm công khai

- Công khai trong các cuộc họp hội đồng, họp cha mẹ học sinh của Nhà trường.
- Niêm yết tại trường đảm bảo cho cha mẹ học sinh dễ theo dõi và giám sát.
- Công khai vào thời điểm cuối tháng 6 và đột xuất (nếu có thay đổi).

2. Thành lập ban chỉ đạo

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai cấp trường gồm các thành viên sau:

CH
NG
DCC
BAN
★

1. Ông Đỗ Hồng Phong	Hiệu trưởng	Phó ban
2. Bà Trần Thị Thanh Thuý	Phó Hiệu trưởng	Phó ban
3. Ông Đào Văn Phương	CTCD	Phó ban
4. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	TT Tổ KHXH	Ủy viên
5. Ông Dương Văn Hoan	TT Tổ KHTN	Ủy viên
6. Ông Tạ Hữu Tiến	TPT Đội	Ủy viên
7. Bà Đào Thị Nhung	Kế toán	Ủy viên
8. Nguyễn Thị Thanh Hương	TB TTND	Ủy viên
9. Nguyễn Thị Hà	Thư kí HĐ	Ủy viên

3. Tổ chức thực hiện

- Thông qua cuộc họp trung tâm, cuộc họp HĐGV và Hội nghị CB, CC, VC đầu năm học:

+ GV đăng ký chất lượng môn dạy, chất lượng lớp chủ nhiệm và danh hiệu thi đua cá nhân.

+ Tổ chuyên môn đăng ký chất lượng hoạt động của tổ và số lượng HS đạt giải trong các hội thi, kế hoạch bồi dưỡng GV, phương pháp nâng cao chất lượng giáo dục của tổ.

+ Công đoàn phát động thi đua tạo không khí tích cực học tập, rèn luyện trong đội ngũ CBGV.

- Tổng hợp kết quả học tập của HS vào cuối học kỳ và cuối năm có so sánh đánh giá phân tích kết quả so với những năm trước để thực hiện công khai.

- Thực hiện đánh giá phân loại GV hàng năm để thực hiện công khai chất lượng đội ngũ.

3. Phân công nhiệm vụ

- **Hiệu trưởng:** chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai đội ngũ, cán bộ quản lý, tài chính, tài sản, thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị. Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, động viên, giám sát, đôn đốc các hoạt động công khai của đơn vị.

- **Phó hiệu trưởng:** chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, của đơn vị. Phối hợp cùng với Hiệu trưởng thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị.

- **Chủ tịch công đoàn:** chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai về cơ sở vật chất và cùng với Hiệu trưởng thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị.

- **Tổ trưởng chuyên môn:** Thực hiện thống kê kết quả giảng dạy và giáo dục của cá nhân, tổ, kết quả tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, tự đánh giá phân loại giáo viên trong tổ hàng năm để thực hiện công khai theo quy định.

- **Bộ phận kế toán, thủ quỹ:** Quyết toán thu, chi theo quy định, lưu giữ chứng từ tài chính khoa học để phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát khi được yêu cầu. Trên đây là kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công khai của trường THCS Nguyễn Bá Ngọc năm học 2023-2024, đề nghị các bộ phận, các cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV nhà trường;
- Lưu: VT.



Đỗ Hồng Phong



THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh trên địa bàn: - Phường An Dương (Tổ 1->5 + Tổ 7) - P Lam Sơn: Từ tổ 3->9) - P TNH: Tổ 2+3. - Một số HS trên địa bàn lân cận đã hoàn thành chương trình Tiểu học	Tất cả HS từ 11 đến 13 tuổi trên địa bàn phường An Dương, Lam Sơn, TNH và một số địa bàn lân cận đều được tuyển sinh. Yêu cầu: HS đã học xong chương trình lớp 6.	Tất cả HS 12-15 tuổi trên địa bàn phường An Dương, Lam Sơn, TNH và một số địa bàn lân cận đều được tuyển sinh. Yêu cầu: HS đã học xong chương trình lớp 7	Tất cả HS từ 13 – 16 tuổi trên địa bàn phường An Dương, Lam Sơn, TNH và một số địa bàn lân cận đều được tuyển sinh. Yêu cầu: HS đã học xong chương trình lớp 8
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành theo QĐ 16/2006/QĐ-BGDĐT về việc <i>ban hành chương trình giáo dục phổ thông - cấp THCS</i> và theo chuẩn kiến thức – kỹ năng của từng môn học; Thông tư số 32/2018/TT-BGD ngày 26/12/2018 và Thông tư số 13/2022/TT-BGD ngày 03/8/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong chương trình GDPT 2018; Thực hiện văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 3/5/2019 của BGD&ĐT ban hành quy chế tuyển sinh THCS-THPT; Căn Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND thành phố Ban hành khung KH thời gian năm học; Văn bản số 2229/SGD-GDTrH ngày 22/8/2023 về Hướng dẫn lịch chỉ đạo thực hiện chương trình Giáo dục Trung học năm học 2023-2024; căn cứ văn bản số 3899/BGD ngày 03/8/2023 của BGDĐT v/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDTH năm học 2023-2024.			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về	Nhà trường sẽ thông báo kết quả giáo dục hạnh kiểm và học tập của học sinh theo từng tháng, từng học kì; gia đình phải liên hệ thường xuyên với GVCN, với ban giám hiệu để cùng phối hợp giáo dục HS.			

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	thái độ học tập của học sinh	HS phải thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ của HS THCS Quy định trong Điều lệ trường THCS, chấp hành đầy đủ nội quy của nhà trường			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Trong năm học, nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động GD ngoài giờ lên lớp, các buổi ngoại khoá, các buổi sinh hoạt Đội, để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Phòng học của nhà trường đảm bảo đủ cho 35 lớp học 2 buổi/ngày. Trong mỗi phòng học được trang bị bàn ghế 2 chỗ ngồi, bảng chống lóa, điện, quạt, phục vụ tốt cho việc học tập của học sinh. Nhà trường có đầy đủ trang thiết bị dạy học đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	-100% Hạnh kiểm khá, tốt. - 99% học lực từ TB trở lên. - Sức khỏe: tốt			

TM. NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Hồng Phong

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	1	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	23	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	05	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học		-
8	Bình quân học sinh/lớp	50hs/lớp	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	3774	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1100	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48mv/phong	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	68mv/phong	
3	Diện tích thư viện (m ²)	100mv/phong	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	13mv/p 13mv/p	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	0	0
1.2	Khối lớp 7	0	0
1.3	Khối lớp 8	0	0
1.4	Khối lớp 9	2	0.22
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	6	
2.2	Khối lớp 7	6	
2.3	Khối lớp 8	6	
2.4	Khối lớp 9	4	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	34	Số học sinh/bộ 0,04 hs/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Thiết bị khác...(Màn hình led)	02	
6			
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	22	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	01 ti vi/1 lớp

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác (màn hình Led)	02	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*		12		12				
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	1				1	24	1	24

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Hải phòng, ngày 15 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Hồng Phong

Biểu mẫu 3.4

**UBND QUẬN LÊ CHÂN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BÁ NGỌC**

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý
và nhân viên của trường năm học 2023-2024

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	75		13	57	1		BV LC 4	29	35	3	67				
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	64		10	53	1			26	35	3	64				
1	Toán	16		5	11				7	8	1	16				
2	Lý	1			2				0	1		1				
3	Hóa	3			2				1	3		4				
4	Sinh	4			4				1	1		2				
5	Văn	17		2	15				9	9	1	19				
6	Sử	2			2				1	1		2				
7	Địa	1			2				1	2		3				
8	Anh	8		1	7				1	4		5				
9	GDCD	1			2				1			1				
10	Công nghệ	2			2					1	1	2				
11	Thể dục	3			3					3		3				
12	Âm nhạc	2			2				2			2				
13	Mỹ thuật	2				1			1	1		2				
14	Tin học	1			1				1			1				
15	Tổng phụ trách	1		1	1				1			1				
II	Cán bộ quản lý	3		3						3		3				
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1				

2	Phó hiệu trưởng	2		2	1					2		2			
III	Nhân viên	8			3	1						8			
1	Nhân viên văn thư	1			1							1			
2	Nhân viên kế toán	1			1							1			
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện	1			1							1			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1				1						1			
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	Nhân viên bảo vệ	3										3			
10	Nhân viên lao công	1										1			

Hải Phòng, ngày 15 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Hồng Phong